

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý ...năm....

I. Đặc điểm hoạt động của đơn vị

1. Quyết định thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị;
2. Hình thức sở hữu vốn;
3. Thành phần của Hội đồng quản trị (Tên, chức danh của từng người);
4. Thành phần Ban Giám đốc (Tên, chức danh từng người);
5. Trụ sở chính..... ; Số chi nhánh:..... ;

II. Niên độ kế toán áp dụng

1. Niên độ kế toán
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng;
2. Hình thức kế toán áp dụng;

IV. Chính sách kế toán áp dụng

1. Chuyển đổi tiền tệ
2. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập - chi phí
3. Kế toán đối với cho vay khách hàng:
 - Nguyên tắc ghi nhận khoản vay;
 - Cơ sở trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng;
4. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ
 - 4.1. Kế toán TSCĐ vô hình
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình
 - Phương pháp tính khấu hao TSCĐ vô hình
 - 4.2. Kế toán TSCĐ hữu hình
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình
 - Phương pháp tính khấu hao TSCĐ hữu hình
5. Vốn chủ sở hữu
 - Vốn điều lệ
 - Trích lập và sử dụng các Quỹ từ chênh lệch (Thu - Chi)
6. Các hoạt động ủy thác chịu rủi ro tín dụng:
7. Các điều chỉnh số liệu kì kế toán trước

V. Thông tin bổ sung cho các tài khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả hoạt động (ĐVT: triệu đồng VN)

1. Tiền mặt, chứng từ có giá trị ngoại tệ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt tại quỹ bằng VNĐ		
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ		
Chứng từ có giá trị ngoại tệ		
Cộng		

2. Tiền gửi tại NHNN Việt Nam

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
- Bằng VNĐ		
- Bằng ngoại tệ		
Cộng		

3. Tiền gửi tại các TCTD khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi tại các TCTD khác		
* Theo kì hạn		
- TG không kỳ hạn		
- TG có kỳ hạn		
- TG chuyên dùng		
* Theo phạm vi		
- TG tại các TCTD trong nước bằng VND		
- TG tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ		
- TG tại các TCTD nước ngoài bằng VNĐ		
- TG tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ		
* Dự phòng rủi ro (***)		

Cộng		
------	--	--

4. Cho vay khách hàng

4.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tổng dư nợ		
- Nợ quá hạn		
- Nợ chò chờ xử lý		
- Nợ cho vay được khoan		
+ Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ		
+ Tỷ lệ nợ khoan trên tổng dư nợ		

4.2. Cơ cấu tín dụng khách hàng:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu		
Chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá đối với các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước		
Cho vay từ nguồn vốn ủy thác đầu tư		
Cho vay khác		
Trả thay khách hàng		
Cộng		

4.3. Cơ cấu theo loại cho vay

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
*** Cho vay đối với tổ chức, cá nhân trong nước:		
- Cho vay ngắn hạn HTXK		
Trong đó: nợ quá hạn		
- Cho vay ngắn hạn chương trình đặc biệt của Chính phủ		
Trong đó: nợ quá hạn		
- Cho vay trung hạn tín dụng đầu tư		

<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay trung hạn chương trình đặc biệt của Chính phủ		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay dài hạn tín dụng đầu tư		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay dài hạn chương trình đặc biệt của Chính phủ		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay lại vốn ODA		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay vốn nhận ủy thác của các TCTCQT		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay theo thỏa thuận		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay lại vốn vay nước ngoài NHPT chịu rủi ro tín dụng		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay vốn huy động khác		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay thí điểm dưới 12 tháng:		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay VIDIFI bằng VNĐ		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay DA đường ô tô cao tốc HN-HP bằng ngoại tệ		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay hỗ trợ người lao động MVL theo QĐ 30 của TTg		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		

- Cho vay vốn ủy thác của NSDP		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay vốn ủy thác khác		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay vốn ủy thác của BTC bằng ngoại tệ		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Trả thay bảo lãnh		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Nợ chờ xử lý		
- Tổng dư nợ cho vay trong nước		
- Tổng dư nợ quá hạn cho vay trong nước		
*** Cấp HT SĐT cấp phát đối với các tổ chức, cá nhân trong nước		
- Cấp hỗ trợ sau đầu tư		
<i>Trong đó: + bằng NSTW</i>		
<i>+ bằng NSDP</i>		
- Cấp phát vốn ủy thác		
<i>Trong đó: + tạm ứng</i>		
<i>+ cấp phát khối lượng hoàn thành</i>		
- Cấp phát khác (Thủy điện Sơn La)		
<i>Trong đó: + tạm ứng</i>		
<i>+ cấp phát khối lượng hoàn thành</i>		
*** Cho vay đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài:		
- Cho vay ngắn hạn		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay trung hạn		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		

- Cho vay dài hạn		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
- Cho vay khác		
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		

5. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng từ đầu năm đến hết kì báo cáo	Giảm từ đầu năm đến hết kì báo cáo	Cuối kỳ
Đầu tư vào công ty con				
Góp vốn liên doanh				
Đầu tư vào công ty liên kết				
Đầu tư dài hạn khác				
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (***)				
Cộng				

6. Tài sản Có khác

6.1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, mua sắm TSCĐ chưa hoàn thành

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Mua sắm TSCĐ		
Chi phí XD CB dở dang		
Sửa chữa TSCĐ		
Cộng		

6.2. Tài sản Có khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chờ NSNN cấp bù CLLS, PQL TDĐT, TDXK, BL		
Chờ NSNN cấp PQL khác		
Tạm ứng nộp NSNN		
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ		

Tạm ứng tiền lương, công tác phí cho cán bộ, nhân viên		
Lãi, phí phải thu		
Các khoản nợ phải thu khác		
Vật liệu, công cụ dụng cụ		
Chi phí trả trước		
Tài sản Có khác		
Dự phòng phải thu khó đòi		
Cộng		

7. Nợ Chính phủ và NHNN

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bằng VNĐ		
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bằng ngoại tệ		
Vay NSNN bằng VND		
Vay NSNN bằng ngoại tệ		
Vay NHNN bằng VND		
Vay NHNN bằng ngoại tệ		
Cộng		

8. Tiền gửi, tiền vay của TCTD khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi của các TCTD khác		
Tiền gửi của TCTD trong nước bằng VND		
Tiền gửi của TCTD trong nước bằng ngoại tệ		
Tiền gửi của TCTD nước ngoài bằng VND		
Tiền gửi của TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ		
Vay các TCTD khác		
Vay TCTD trong nước bằng ngoại tệ		

Vay TCTD trong nước bằng VND		
Vay TCTD nước ngoài bằng VND		
Vay TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ		
Cộng		

9. Tiền gửi của khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND		
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ		
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND		
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ		
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ		
Tiền gửi ký quỹ		
Các khoản bảo đảm thanh toán khác		
Cộng		

10. Vốn nhận ủy thác đầu tư, cho vay

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vốn nhận của Chính phủ		
Vốn nhận của các tổ chức, cá nhân trong nước		
Vốn nhận của các tổ chức, cá nhân nước ngoài		
Cộng		

11. Phát hành giấy tờ có giá

	Kỳ phiếu	Tín phiếu	Trái phiếu	Giấy tờ có giá khác
--	----------	-----------	------------	---------------------

Cuối kỳ				
- Mệnh giá				
- Chiết khấu				
- Phụ trội				
Đầu năm				
- Mệnh giá				
- Chiết khấu				
- Phụ trội				

12. Các khoản nợ phải trả khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả cán bộ, CNV của NHPT		
Các khoản phải nộp Nhà nước		
Phải trả lãi tiền gửi, lãi tiền vay, lãi trái phiếu		
Các khoản lãi và phí vốn nhận ủy thác cho vay		
Các khoản phải trả người bán		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng		

13. Dự phòng rủi ro

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu kỳ		
- Tăng trong kỳ		
+ Dự phòng trích trong kỳ		
+ Tăng khác		
- Giảm trong kỳ		
+ Sử dụng để XLRR		
+ Khác		

- Số dư cuối kỳ		
-----------------	--	--

14. Tình hình thay đổi một số chỉ tiêu VCSH của NHPT

	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ DT bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	KQHĐ chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu kỳ									
Tăng trong kỳ - Tăng vốn trong kỳ - <i>Kết quả hoạt động tăng trong kỳ</i> - <i>Trích bổ sung các quỹ trong kỳ</i> - <i>Chuyển từ quỹ dự trữ sang vốn</i>									
Giảm trong kỳ - <i>Sử dụng trong kỳ</i> - <i>Các khoản khác</i>									
Số dư cuối kỳ									

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)